


DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2020 CỦA HUYỆN LÝ SƠN

(Kèm theo Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 11/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	 Vị trí trên bản đồ địa chính	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Đường cơ động phía đông nam đảo Lý Sơn (giai đoạn 3)	10,98	Xã An Hải + xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số 4,5,2,3 xã An Vĩnh và tờ 1,2,4,5,11,12,19 xã An Hải	QĐ số: 2498/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường cơ động phía Đông Nam đảo Lý Sơn (giai đoạn III)	3.000	3.000					Quyết định thu hồi đất (QĐ số: từ 102-103 ngày 18/01/2017; từ số 111-165 ngày 19/01/2017.
2	Dự án Nâng cấp đường cơ động (Đoạn từ cầu vượt vùng neo đậu tàu thuyền thôn Tây xã An Vĩnh đến khách sạn Mường Thanh), xã An Vĩnh huyện Lý Sơn.	3,60	Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số: 14, 19, 20, 21, 25, 26, 27, 28,	QĐ số 898/QĐ-UBND ngày 16/5/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề xuất dự án Nâng cấp đường cơ động đảo Lý Sơn	59.500,00		59.500				Quyết định thu hồi đất (QĐ số: từ 52-62 ngày 11/01/2019 và từ số 1538-1550. ngày 07/22/2018
	Tổng cộng	14,58				62.500	3.000	59.500	-	-	-	



**PHÂN BỐ DIỆN TÍCH CÁC LOẠI ĐẤT
TRONG NĂM KẾ HOẠCH**

(Kế hoạch phân bổ định số 243/QĐ-UBND ngày 17/1/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: ha

STT (1)	Chức năng sử dụng đất	Mã (3)	Tổng diện tích (4)=(5)+(6)+(7)	Phân theo đơn vị hành chính		
				Xã An Bình (5)	Xã An Hải (6)	Xã An Vĩnh (7)
1	Đất nông nghiệp	NNP	592,06	45,62	306,67	239,77
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	426,48	27,12	229,39	169,97
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	8,37	2,56	5,34	0,47
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	6,02		2,10	3,92
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	151,19	15,94	69,84	65,41
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	285,52	6,83	138,88	139,81
2.1	Đất quốc phòng	CQP	38,10	0,74	30,02	7,34
2.2	Đất an ninh	CAN	0,65			0,65
2.3	Đất thương mại dịch vụ	TMD	4,83		2,64	2,19
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3,42		3,42	
2.5	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	123,97	3,75	57,46	62,76
-	Đất giao thông	DGT	82,71	2,10	32,77	47,84
-	Đất thủy lợi	DTL	23,03	0,79	16,74	5,50
-	Đất công trình năng lượng	DNL	3,15	0,29	2,64	0,22
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,25	0,03	0,12	0,10
-	Đất cơ sở văn hóa	DVH	3,35		1,63	1,72
-	Đất cơ sở y tế	DYT	1,25	0,10	0,07	1,08
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	7,95	0,24	2,41	5,30
-	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	0,99	0,05	0,51	0,43
-	Đất công trình công cộng khác	DCK	0,15	0,15		
-	Đất chợ	DCH	1,14		0,57	0,57
2.6	Đất di tích lịch sử - văn hóa	DDT	3,66		3,03	0,63
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,76		1,54	3,22
2.8	Đất ở tại nông thôn	ONT	71,42	1,36	31,20	38,86
2.9	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	3,27	0,20	0,25	2,82
2.10	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,95		0,30	0,65
2.11	Đất cơ sở tôn giáo	TON	2,85		2,10	0,75
2.12	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	21,76	0,65	4,12	16,99
2.13	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,39	0,05	0,28	0,06
2.14	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	2,21		1,36	0,85
2.15	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	3,24	0,08	1,14	2,02
2.16	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,04		0,02	0,02
3	Đất chưa sử dụng	CSD	162,27	16,59	65,78	79,90
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN				
5	Đất khu kinh tế*	KKT				
6	Đất đô thị*	KDT				

Ghi chú: * Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên


HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2020
CỦA HUYỆN LÝ SƠN
 (Kèm theo Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính		
				Xã An Bình	Xã An Hải	Xã An Vĩnh
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)	(5)	(6)	(7)
	TỔNG DIỆN TÍCH THU HỒI		16,44	0,24	6,81	9,39
1	Đất nông nghiệp	NNP	15,35	0,15	6,68	8,52
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	12,12	0,15	4,48	7,49
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	0,21		0,18	0,03
1.3	Đất rừng sản xuất	RSX	3,02		2,02	1,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1,09	0,09	0,13	0,87
2.1	Đất quốc phòng	CQP				
2.2	Đất thương mại dịch vụ	TMD				
2.3	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,20	0,01	0,12	0,07
-	Đất giao thông	DGT	0,06	0,01	0,05	
-	Đất thủy lợi	DTL	0,03		0,01	0,02
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,05			0,05
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	0,06		0,06	
-	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT				
-	Đất chợ	DCH				
2.4	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,59	0,08	0,01	0,50
2.5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,08			0,08
2.6	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS				
2.7	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0,22			0,22



**PHẠCH CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2020
CỦA HUYỆN LÝ SƠN**

Số 243/QĐ-UBND ngày 14/9/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: ha

ST T	Mục đích sử dụng	Mã SDD	Diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính		
				Xã An Bình	Xã An Hải	Xã An Vĩnh
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)	(5)	(6)	(7)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	15,35	0,15	6,68	8,52
	Trong đó:					
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	12,12	0,15	4,48	7,49
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	0,21		0,18	0,03
1.3	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	3,02		2,02	1,00
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp					
	Trong đó:					
2.1	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS				
2.2	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RPH/NKR ^(a)				
2.3	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RSX/NKR ^(a)				
3	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp					
3.1	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT				

Ghi chú: - (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.
- PKO là đất phi nông nghiệp không phải đất ở.

**KẾ HOẠCH DẪN ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG NĂM 2020
CỦA HUYỆN LÝ SƠN**

(Kèm theo Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Phân theo đơn vị hành chính		
				Xã An Bình	Xã An Hải	Xã An Vĩnh
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)	(5)	(6)	(7)
1	Đất nông nghiệp	NNP				
1.1	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK				
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN				
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH				
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX				
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	10,12		4,88	5,24
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,16		0,08	0,08
2.2	Đất thương mại dịch vụ	TMD				
2.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC				
2.4	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	9,90		4,80	5,10
-	Đất giao thông	DGT	9,90		4,80	5,10
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD				
-	Đất công trình công cộng khác	DCK				
-	Đất chợ	DCH				
2.5	Đất di tích lịch sử - văn hóa	DDT				
2.6	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA				
2.8	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,01			0,01
2.9	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC				
2.10	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS				
2.11	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON				
2.13	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD				
2.14	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX				
2.15	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH				
2.16	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,05			0,05
2.17	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN				
2.18	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON				
2.19	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC				
2.20	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2020 CỦA HUYỆN LÝ SƠN



(Kèm theo Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Bể chứa nước sinh hoạt kết hợp tưới tiêu phục vụ sản xuất	0,150	Xã An Bình	Tờ bản đồ số: 4	QĐ số 1382/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Danh mục dự án nhóm C quy mô nhỏ sử dụng vốn dự phòng NSTW kế hoạch trung hạn 2016-2020 thuộc chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thực hiện các đề án, nhiệm vụ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ	7.000	6.300				700	
2	Trục đường chính Trung tâm huyện Lý Sơn	3,20	Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số: 14, 15, 16, 17	QĐ số: 1031 /QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Trục đường chính trung tâm huyện Lý Sơn	130.000	130.000					
3	Tôn tạo và mở rộng Di tích Quốc gia Âm Linh tự	0,08	Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số: 13, 14	CV số: 713 /UBND-KGVX ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh về việc Tôn tạo và mở rộng Di tích Quốc gia Âm Linh Tự	3,353					3,353	


Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
4	Tuyến đường công Tò Vò đi núi Giếng Tiêng	0,070	Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số: 4	Tờ trình số: 109/TTr-UBND ngày 30/7/2019 của UBND huyện V/v xin chủ trương đầu tư dự án và TB số: 388/TB-HU ngày 18/9/2019 Thông báo kết luận của Ban Thường trực Huyện uỷ tại cuộc họp ngày 10/9/2019	2.000			2.000			
5	Mở rộng Thánh Thất Cao Đài	0,050	Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số: 8	Công văn số: 1605/SNV-TG ngày 16/8/2019 của Sở Nội vụ tỉnh V/v chấp thuận chủ trương quy hoạch, mở rộng đất của Họ Đạo Lý Sơn (Thuộc Hội thánh Truyền giáo Cao đài)							
6	Khu tưởng niệm Nghĩa sỹ Hoàng Sa	2,00	Xã An Hải	Tờ bản đồ số: 6	Quyết định Số: 1379/QĐ-TLĐ ngày 30/7/2018 của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam V/v phê duyệt chủ trương dự án Khu tưởng niệm Nghĩa Sỹ Hoàng Sa tại huyện Lý Sơn	120.000					120.000	
7	Khu cây xanh tam giác vòng xoay đi UBND xã An Hải	0,30	Xã An Hải	Tờ bản đồ số: 19	Tờ trình số: 56/TTr-UBND ngày 19/4/2019 của UBND huyện V/v xin thông qua dự án và TB số: 328/TB-HU ngày 9/5/2019 Thông báo kết luận của Ban Thường trực Huyện uỷ	1.300			1.300			

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
8	Mở rộng giáo Xứ Lý Sơn	0,20	Xã An Hải	Tờ bản đồ số: 26	Công văn Số: 3329/UBND-NC ngày 25/9/2019 của UBND tỉnh V/v giao đất cho Giáo xứ Lý Sơn để mở rộng cơ sở thờ tự	2.200					2.200	
	Tổng cộng	6,05				262.503	136.300	-	3.300	700	122.203	

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2020 CỦA HUYỆN LÝ SƠN



KHOẢN THUỘC KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013
(Kèm theo Quyết định số 443/QĐ-UBND ngày 17/1/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	 Vị trí trên bản đồ địa chính	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (8) + (9) + (10) + (11) + (12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Hoán đổi đất tại thôn Đông, xã An Vĩnh	0,012	Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số: 28	Không đầu tư, không bồi thường, bố trí đất ở phục vụ giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án trên địa bàn huyện Lý Sơn							Không đầu tư, không bồi thường
2	Hoán đổi đất Lân Vĩnh Hoà	0,03	Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số: 20	TB số: 302 /TB-HU ngày 21/3/2019 của Ban Thường vụ huyện uỷ Kết luận tại cuộc họp ngày 15/3/2019							Không đầu tư, không bồi thường
3	Công trình phòng thủ số 3 Dinh Tam Toà	0,160	Xã An Hải, Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số: 28, 29 (Xã An Hải); Tờ 27 Xã An Vĩnh		160,00					160,00	
4	Đài điện báo huyện Lý Sơn - T26	0,10	Xã An Hải	Tờ bản đồ số: 23	QĐ số: 35/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ V/v phê duyệt Đề án " Nâng cấp Mạng điện báo Hệ đặc biệt phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước"; CV Số: 54/CBĐT-W-KHĐT ngày 25/9/2019 của Bộ Thông tin và truyền thông V/v lựa chọn mặt bằng	100,00					100,00	
5	Dự án Khu dịch vụ thương mại Châu Thịnh	0,56	Xã An Hải	Tờ bản đồ số: 26, 30	QĐ số: 890 /QĐ-UBND ngày 20/11/2019 của UBND tỉnh về việc Quyết định chủ trương đầu tư dự án Khu dịch vụ thương mại Châu Thịnh	500,00					500,00	
Tổng cộng		0,86				760	0	0	0	0	760	

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐĂNG KÝ ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG
ĐẤT TRONG NĂM 2020 HUYỆN LÝ SƠN**

(Kèm theo Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



STT	Tên công trình	Địa điểm	Số lô đấu giá (lô)	Tổng diện tích đấu giá (m ²)	Ghi chú
1	Thửa đất số 270, tờ bản đồ số 10 Xã An Vĩnh	Xã An Vĩnh	1	102,6	
2	Xã An Hải Tờ số 22: thửa 744; Tờ số 29: thửa 347, 772, 24, 25, 26; Tờ 26: thửa 7; Tờ 15: thửa 365, 572; Tờ 16: 338; Tờ 51: thửa 29 (tách thành 4 lô khi đấu giá)	Xã An Hải	14	1260,9	
	Tổng		15	1363,5	

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ BỎ KHÔNG TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2020, CỦA HUYỆN LÝ SƠN



Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích QH (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Điểm dân cư 2, thôn Đông	0,04	Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số: 20								
2	Nhà làm việc, cầu tàu cho tàu tuần tra cao tốc tại đảo Lý Sơn (Hải quan)	0,07	Xã An Hải	TBĐ số 23	QĐ số 1920/QĐ-TCHQ ngày 09/7/2015 của Tổng Cục hải quan về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán chi NSNN năm 2015	500	500					
3	Khu chế biến và ủ men tỏi đen	0,11	Xã An Hải	TBĐ số 25								
4	KDC Đồng Rừng (cũ là KDC Hòn Vung)	8,00	Xã An Vĩnh	Tờ bản đồ số: 23	QĐ số 212/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 về việc phê duyệt quy hoạch phân khu trung tâm huyện Lý Sơn - tỉ lệ 1/2000	3.500,00		3.500,00				
	Tổng cộng	8,22				4.000	500	3.500	-	-	-	